TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 02 - 2024
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Lệ Nga**

2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HN ngày 07 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Võ Quốc C, sinh ngày 01/01/1983 (Có mặt)**

Địa chỉ: Số 227 ấp L, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn: Chị Trương Thị Hồng Y, sinh ngày 16/03/2004 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Lô L13 – S6 cụm dân cư phường L1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/08/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Võ Quốc C trình bày:*** Anh C và chị Y tự nguyên yêu thương nhau rồi tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 02/12/2022. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi về sống cùng gia đình bên chồng tại địa chỉ: Số 222 ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 25/02/2023 thì

chị Y vợ chồng sống ly thân, đến 25/03/2023 chị Y dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay.

Lý do xin ly hôn: Sau khi kết hôn thì vợ thường xuyên đi ra khỏi nhà từ sáng đến tối mới về anh C có khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi, từ đó cho thấy vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên hôn nhân không có hạnh phúc. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh C với chị Y không còn tình cảm nên không thể hòa hợp và hàn gắn được nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh Võ Quốc C xác định không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Quốc C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Anh Võ Quốc C xác định không còn tình cảm yêu thương với chị Y nữa và yêu cầu được ly hôn với chị Y; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Trương Thị Hồng Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng chị Trương Thị Hồng Y không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên đã vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn cnh C được ly hôn với chị Trương Thị Hồng Y. Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định không có không yêu cầu nên không xem xét. Nếu chị Y cho rằng có con chung, tài sản chung, nợ chung có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Võ Quốc C khởi kiện xin ly hôn với bị đơn chị Trương Thị Hồng Y và chị Y là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trương Thị Hồng Y không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của anh C tại Tòa án. Tuy nhiên, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng chị Y cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh C yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn chị Y theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị Y.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Quốc C và chị Trương Thị Hồng Y được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 02/12/2022 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị Y, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng anh C và chị Y không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẻ, anh C, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, do vợ thường xuyên đi vắng nhà nhưng anh C không biết lý do, anh C khuyên nhiều lần nhưng chị Y không thay đổi, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến ngày 25/03/2023 thì chị Y dọn về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian anh C, chị Y sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Chị Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Y không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của anh C cũng như chứng cứ do anh C cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị Y là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị Y.

[5] Về quan hệ con chung: Anh C xác định vợ chồng chung sống không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Y không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này chị Y có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Võ Quốc C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Quốc C được ly hôn với chị Trương Thị Hồng Y.

2. Về con chung: Anh Võ Quốc C xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Quốc C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Võ Quốc C phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, anh C được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002732 ngày 05/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/02/2024), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh